

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HS-ST.

Ngày: 07-12-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Ngô Bá Đức.

+ Ông Võ Hoàng Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với:

- Các bị cáo:

1/ **Phạm Minh C** - Sinh năm: 1996;

+ Tên gọi khác: D.

+ Nơi sinh: Tỉnh Bến Tre.

+ Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Trình độ học vấn: Lớp 4/12.

+ Nghề nghiệp: Không.

+ Dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không.

+ Con ông Phạm Văn H, con bà Nguyễn Thị Mỹ N.

+ Bị cáo chưa có vợ.

+ Tiền án:

• Ngày 07/02/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 (một) năm tù về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo Bản án số: 05/2017/HS-ST

ngày 07/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/10/2017).

- Ngày 08/3/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 (một) năm tù về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo Bản án số: 14/2018/HS-ST ngày 08/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/12/2018).

+ Tiền sự: Ngày 01/10/2019 bị Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là 750.000VNĐ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

+ Về nhân thân:

- Năm 2007 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp đưa vào Trường giáo dưỡng, thời hạn là 24 tháng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” theo Quyết định số: 176/QĐ-UBND, đến năm 2009 chấp hành xong.

- Năm 2009 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp đưa vào Trường giáo dưỡng, thời hạn là 24 tháng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” theo Quyết định số: 755/QĐ-UBND ngày 21/8/2009, đến ngày 25/7/2011 chấp hành xong.

- Ngày 05/10/2011 có hành vi “*Trộm cắp tài sản*” bị Công an thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức “*Cảnh cáo*” theo Quyết định số: 05/QĐ-XPHC ngày 20/01/2012 của Công an thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (Đã chấp hành xong).

- Ngày 24/4/2012 phạm “*Tội cố ý gây thương tích*” bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 (hai) năm tù theo Bản án số: 63/2012/HSST ngày 27/9/2012; Ngày 02/5/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về “*Tội trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt 02 bản án là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Đến ngày 05/11/2015 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 17/10/2016 bị Công an thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 4.500.000VNĐ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” và “*Sử dụng công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép*” theo Quyết định số: 139/QĐ-XPHC (chưa nộp phạt).

- Ngày 11/6/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2021/HS-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

+ Bị cáo bị bắt ngày 19/6/2021 theo Quyết định truy nã số: 02 ngày 19/6/2021 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, sau đó chuyển sang tạm giam từ ngày 22/6/2021 cho đến nay.

+ Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ **Nguyễn Văn D** - Sinh năm: 1986;

+ Tên gọi khác: Không có.

+ Nơi sinh: Tỉnh Trà Vinh.

+ Nơi cư trú: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

+ Trình độ học vấn: Lớp 9/12.

+ Nghề nghiệp: Làm thuê.

+ Dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không.

+ Con ông Nguyễn Văn C, con bà Trần Thị L.

+ Bị cáo có 02 người con, người con lớn sinh năm 2016, người con nhỏ sinh năm 2019.

+ Tiền án: Không.

+ Tiền sự: Không.

+ Về nhân thân: Ngày 06/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xử phạt 05 (năm) năm tù giam về “*Tội cướp tài sản*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2012/HS-ST ngày 06/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Đến ngày 31/8/2013 được đặc xá trở về địa phương.

+ Nguyễn Văn D bị tạm giữ từ ngày 20/3/2021 sau đó chuyển tạm giam đến ngày 17/6/2021 thì trốn khỏi nơi giam giữ. Ngày 05/7/2021 bị bắt theo Quyết định truy nã số: 03 ngày 19/6/2021 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre sau đó chuyển tạm giam từ ngày 09/7/2021 cho đến nay.

+ Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D: Ông **Nguyễn Minh K** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị hại:* Anh **Lê Hoàng K** - Sinh năm: 1997, trú tại: ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1/ Anh **Nguyễn Khắc H** (Ấp Q) - Sinh năm: 1983, trú tại: khu phố O, Phường P, thành phố R, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2/ Anh **Mai Anh K** - Sinh năm: 1990, trú tại: Tổ K, ấp L, thị trấn M, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3/ Chị **Nguyễn Thị Tuyết M** - Sinh năm: 1991, trú tại: ấp I, xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

4/ Anh **Trịnh Thái B** - Sinh năm: 2000, trú tại: ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

5/ Anh **Phạm Văn Đ** - Sinh năm: 2000, nơi đăng ký HKTT: ấp X, xã Y, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nơi tạm trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

6/ Anh **Dương Văn A** - Sinh năm: 2000, trú tại: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

7/ Anh **Nguyễn Thanh T** - Sinh năm: 1994, trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

8/ Anh **Nguyễn Văn V** - Sinh năm: 1997, trú tại: ấp E, xã G, huyện H, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

9/ Ông **Nguyễn Văn H** - Sinh năm: 1968, trú tại: ấp U, xã I, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

10/ Anh **Nguyễn Văn H1** - Sinh năm: 1991, trú tại: ấp D, xã T, huyện U, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

11/ Anh **Nguyễn Bảo X** - Sinh năm: 1991, trú tại: khóm A, phường B, thành phố G, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

12/ Chị **Nguyễn Thị H** - Sinh năm: 1996, trú tại: khóm A, phường B, thành phố G, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

13/ Bà **Ngô Thị C** - Sinh năm: 1962, trú tại: Khóm T, thị trấn C, huyện N, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

14/ Chị **Phan Thị X** - Sinh năm: 1992, trú tại: ấp H, xã K, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bến Tre (có mặt).

15/ Bà **Võ Bạch H** - Sinh năm: 1961, trú tại: ấp H, xã K, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

16/ Anh **Lương Thanh T** - Sinh năm: 1998, trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

17/ Anh **Nguyễn Quốc B** - Sinh năm: 1990, trú tại: Phường S, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bến Tre (có mặt).

18/ Anh **Nguyễn Minh T** - Sinh năm: 1983, trú tại: ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Bến Tre. Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam công an tỉnh Bến Tre (có mặt).

19/ Anh **Phạm Quốc T** - Sinh năm: 1996, trú tại: ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Bến Tre. Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam công an tỉnh Bến Tre (có mặt).

20/ Anh **Nguyễn Văn D** - Sinh năm: 1987, trú tại: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

21/ Anh **Nguyễn Như P** - Sinh năm: 2000, trú tại: ấp M, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

22/ Ông **Đoàn Văn L** - Sinh năm: 1966, trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

23/ Anh **Cao Trường V** - Sinh năm: 2000, trú tại: ấp O, xã P, huyện K, tỉnh Bến Tre (có mặt).

24/ Anh **Võ Trọng B** - Sinh năm: 1999, trú tại: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 20/3/2021, Nguyễn Văn D cùng một người tên M (không rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng xe mô tô của Minh nhãn hiệu HONDA, số loại Winner không rõ biển số đi từ Thành phố Hồ Chí Minh về tỉnh Trà Vinh. Khi đến địa bàn huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, cả hai nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền chia nhau tiêu xài nên D điều khiển xe chở M đi về hướng Bệnh viện Đa khoa khu vực Cù Lao Minh tìm xe lấy trộm. Đến khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, khi đến địa phận ấp Tân Lộc, xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thì M phát hiện trong xưởng cơ khí Văn Liêm cặp Quốc lộ 57 có dựng một xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu sơn xanh bạc, biển kiểm soát số: 71B2-446.77 trên xe có gắn sẵn chìa khóa nên kêu D dừng xe lại và đi vào lấy trộm xe mô tô trên. Lúc này M đứng ngoài quan sát, cảnh giới, còn D đi vào mở khóa nguồn khởi động máy xe rồi tẩu thoát thì bị anh Lê Hoàng K phát hiện D đang điều khiển xe của mình rời khỏi hiện trường nên truy hô cùng người dân truy bắt được D cùng tang vật. Riêng M chạy thoát.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐG ngày 23/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mỏ Cày Nam, kết luận xe mô tô biển số 71B2-446.77 có giá trị 22.000.000VNĐ (hai mươi hai triệu đồng).

Nguyễn Văn D bị tạm giữ từ ngày 20/3/2021 sau đó chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Ngày 17/5/2021 D được chuyển tạm giam cùng Phạm Minh C tại dãy B buồng giam số 4. Phạm Minh C bị tạm giam từ ngày 17/4/2020 về tội trộm cắp tài sản, đã được xét xử ngày 11/6/2021 và bị tuyên phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù giam, đang chờ bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong những lần ra ngoài làm việc, Phạm Minh C lấy được 01 đoạn kim loại đem vào nơi giam, sau đó dùng giấy báo Nhà tạm giữ phát để đọc tin tức cuộn lại, dùng chỉ khăn, túi nylon xé nhỏ quấn vào cuộn giấy, trên đầu có gắn đoạn kim loại và một đoạn giấy báo quấn tương tự không gắn kim loại. Ngoài ra trong một lần đăng ký mua thực phẩm, cán bộ Nhà tạm giữ cắt còn sót lại đầu chì cây xúc xích, tất cả được C cất giấu tại buồng giam.

Khi nghe tin mẹ ruột bệnh nặng, khoảng ngày 13 và 14/6/2021, C nảy sinh ý định trốn khỏi nơi giam nên lấy đoạn giấy báo đã cuộn lại trước đó tạo thành hình móc, dùng vải buộc lại nơi đầu móc để móc không bị bung ra, dùng dây chỉ buộc nơi đầu tay cầm móc một đoạn để không bị rơi móc chuẩn bị sẵn. Đến ngày 15 và 16/6/2021 D cộng C đứng trên vai để lấy 02 (hai) con ốc vít trên vách buồng giam để làm công cụ phá ổ khóa.

Do biết Phan Thị X đang bị tạm giam tại buồng B3 có điện thoại di động để sử dụng nên chiều ngày 17/6/2021 C hỏi mượn, X đồng ý nên để điện thoại, 06 (sáu) cục pin vào lọ nhựa quấn vỏ mì tôm bên ngoài và nhờ phạm nhân phục vụ Phạm Quốc T chuyển qua cho C, khi tháo nắp pin thấy bên trong có tờ tiền mệnh giá 500.000VNĐ (năm trăm ngàn đồng) nên C cất tiền cùng điện thoại.

Phạm Minh C và Nguyễn Văn D xin cán bộ quản giáo ra cắt tóc. C ra cắt trước, D ra sau, khi cắt tóc xong thì C nhanh chóng chạy về buồng giam dùng các công cụ đã chuẩn bị sẵn (cục chì, 02 ốc vít, đoạn kẽm) làm hư ổ khóa rồi treo trở lại trên cửa buồng B4. Sau khi cắt tóc xong, hai bị cáo được đưa vào buồng giam B4 và khóa cửa lại.

Đến khoảng 18 giờ 45 phút ngày 17/6/2021, lợi dụng trời mưa to có sấm chớp, C dùng móc bằng giấy làm sẵn thò tay qua lỗ thăm ở cửa buồng giam, dùng móc để móc vào ổ khóa giật kéo thì ổ khóa bung, mở cửa buồng giam ra ngoài và đóng khóa cửa lại. C và D leo lên cửa buồng giam C4 lên mái nhà đến khu vực nhà bếp Nhà tạm giữ đu theo ống thoát nước xuống đất rồi tẩu thoát ra khỏi khuôn viên Công an huyện Mỏ Cày Nam.

Khi thoát được, cả hai đến tiệm game bắn cá của Nguyễn Văn T ở Khu phố 3, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam để tìm xe nhưng không có, do dịch bệnh Covid 19 nên T cho 02 khẩu trang y tế sử dụng. Tiếp đến C điện cho Nguyễn Khắc

H nhờ xuống Mỏ Cày rước, H không đi được nên cho C số điện thoại của Mai Anh K. Sau đó, K gọi cho Phạm Văn Đ thì Đ đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60K4-2978 đến khu vực cổng sau Công an huyện Mỏ Cày Nam rước C và D về nhà trọ của Đ đợi K đến. Tại đây D mượn điện thoại của C gọi cho Nguyễn Văn V (cháu của D) đến rước. Khi gặp K và Nguyễn Thị Tuyết M tại nhà trọ của Đ thì K nhờ Dương Văn A chở C đến nhà Nguyễn Thanh T cho C ngủ qua đêm.

Ngày 18/6/2021, A tiếp tục chở C đến tỉnh Trà Vinh rồi về Bệnh viện Đa khoa khu vực Cù Lao Minh để thăm mẹ ruột nhưng do dịch bệnh nên C không vào được, còn A quay về. Sau đó C đi xe ôm qua khu vực khu công nghiệp Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để lần trốn, đến ngày 19/6/2021 thì bị bắt theo Quyết định truy nã.

Đối với Nguyễn Văn D được Nguyễn Văn V chở đến nhà ông Nguyễn Văn H xin ngủ nhờ, đến sáng ngày 18/6/2021, D được Nguyễn Văn H1 về rước lên Thành phố Hồ Chí Minh lần trốn nhiều nơi. Thời gian này D được Nguyễn Thị H (D và H chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn) và Nguyễn Bảo X cho điện thoại di động và tiền tiêu xài. Đến ngày 05/7/2021 Nguyễn Văn D bị bắt tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định truy nã.

Bản kết luận giám định số: 3495/C09B ngày 15/7/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận ADN như sau: Trên ổ khóa bằng kim loại gửi giám định (ký hiệu M) phát hiện có ADN người: Phân tích cho thấy trên ổ khóa này lẫn nhiều nguồn ADN, trong đó có hiện diện ADN của bị can Phạm Minh C.

Bản kết luận giám định số: 3469/C09B ngày 12/7/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận dấu vết cơ học như sau: Ổ khóa (ký hiệu M) gửi giám định đã bị hư hỏng không còn tác dụng của ổ khóa. Ổ khóa bị hư trước ngày 17/6/2021. Bên trong ổ khóa (ký hiệu M) có vật lạ (kim loại, đất cát, han rỉ) làm kẹt các chi tiết chuyển động (các chốt chìa, lưỡi gà). Không đủ cơ sở xác định chìa khóa (ký hiệu M1) gửi giám định có phù hợp với ổ khóa (ký hiệu M) hay không. Chìa khóa ký hiệu M1 và các vật (ký hiệu M2) hay các chìa khóa khác có thể mở được ổ khóa ký hiệu M. Ổ khóa (ký hiệu M) gửi giám định ở trạng thái đóng (khóa lại) dùng lực tay của người hay dùng móc làm bằng giấy cuộn lại dài 30cm, rộng 1cm, phần đầu móc dài 9cm, rộng 5cm, phần cán móc có buộc sợi dây màu xanh dài 128 cm gửi giám định khi kéo thì ổ khóa có thể bị bung ra (mở ra).

Tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKSMCN ngày 30 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã truy tố: Bị cáo Phạm Minh C về “*Tội trốn khỏi nơi giam, giữ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự

năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và “*Tội trốn khỏi nơi giam, giữ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo, bị hại, người làm chứng là anh Trịnh Thái B, anh Dương Văn A, anh Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H, chị Phan Thị X, anh Nguyễn Quốc B, anh Nguyễn Minh T, anh Phạm Quốc T, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Như P và anh Cao Trường V giữ nguyên lời khai như trong giai đoạn điều tra, truy tố.

Các người làm chứng là anh Nguyễn Khắc H, anh Mai Anh K, chị Nguyễn Thị Tuyết M, anh Phạm Văn Đ, anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Bảo X, chị Nguyễn Thị H, bà Ngô Thị C, bà Võ Bạch H, anh Lương Thanh T, ông Đoàn Văn L, anh Võ Trọng B vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Riêng ông L, anh B có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh C phạm “*Tội trốn khỏi nơi giam, giữ*”, bị cáo Nguyễn Văn D phạm “*Tội trộm cắp tài sản*” và “*Tội trốn khỏi nơi giam, giữ*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 386, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các điều 17, 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2021 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Minh C từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2021 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp với hình phạt là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về “*Tội trộm cắp tài sản*” tại bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2021/HS-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Buộc bị cáo Phạm Minh C phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là từ 05 (năm) năm tù đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2020, nhưng trừ ra hai ngày bị cáo bỏ trốn là ngày 17 và ngày 18/6/2021;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2021 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù về “*Tội trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 386, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 17, 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2021 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 12 (mười hai) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù về “*Tội trốn khỏi nơi giam, giữ*”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2021 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp hình phạt của cả hai tội mà bị cáo Nguyễn Văn D phải chấp hành là từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng

tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2021 nhưng trừ ra 18 (mười tám) ngày bị cáo bỏ trốn (bỏ trốn từ ngày 17/6/2021 đến ngày 04/7/2021);

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2021 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã giao trả cho bị hại Lê Hoàng K 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, biển kiểm soát số 71B2-446.77; giao trả cho anh Phạm Văn Đ 01 (một) áo khoác tay dài, màu xanh đậm và 01 (một) chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát số 60K4-2978; chuyển 01 (một) giấy phép lái xe và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Tuấn Q cho Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để xử lý theo thẩm quyền;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D: 01 (một) túi mang màu đen, nhãn hiệu Jingpin; 01 (một) cái điện thoại di động Nokia C1, bàn phím màu trắng đen; 01 (một) đôi giày thể thao màu xanh cỏ úa, nhãn hiệu Fashion; 01 (một) cái áo khoác màu trắng xanh, phía trước ngực có chữ “UNDERSTAND”; 01 (một) cái quần Jean dài màu đen phía sau có chữ “supGa Jeans”; 01 (một) bóp da nam, màu cam, không nhãn hiệu; 01 (một) cái điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, số seri 353120114705485, gắn sim số thuê bao G và số tiền là 202.000VNĐ (hai trăm lẻ hai ngàn đồng);

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, thân khóa sơn màu vàng (có ký hiệu chữ azalo) dài 05cm, rộng 06cm, cầu khóa bằng kim loại màu trắng cao 5,5cm, rộng 05cm, đã bị cưa tháo rời trong quá trình giám định; 01 (một) đoạn kim loại hình trụ tròn, màu trắng, dài 8mm, đường kính 2mm lấy ra từ vị trí bị chốt cầu khóa; 01 (một) móc được làm bằng giấy dài 30cm, rộng 01cm, phần móc dài 0,9cm, rộng 05cm, phần cán móc có buộc một sợi vải màu xanh dài 1,28m; 02 (hai) cuộn dây được quấn nhiều loại vải, nhựa (một cuộn dài 42cm, đường kính rộng nhất 01cm, một cuộn dài 43cm, đường kính rộng nhất 02cm, phía trong có lõi kim loại màu trắng, đường kính 0,4cm); 01 (một) chìa khóa hình chữ T bằng kim loại, dài 4,2cm, rộng nhất 1,7cm, hẹp nhất 0,7cm, có chữ madeinchina; 02 (hai) ốc vít, bằng kim loại, có ren, dài 2,2cm, một đầu nhọn (trong đó có 01 ốc vít bị cong); 01 (một) đoạn kim loại, màu trắng, dài 10,2cm; 01 (một) nắp hộp cá mòi, bằng kim loại, màu trắng (đã rỉ sét), đường kính 4,7cm; 02 (hai) vỏ bao xúc xích, màu đỏ, nhãn hiệu BOOM (không còn phần chì bấm ở hai đầu); 01 (một) áo thun, màu trắng xám, ngắn tay, bị rách sau lưng bên trái, kích thước vùng rách 15x10cm; 01 (một) quần thun, màu xanh đen, có viền màu trắng hai bên hông của ống quần, phía trước quần có 02 túi hai bên, không có dây kéo;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận bị hại Lê Hoàng K đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt (xe mô tô) và không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn D. Ngoài ra, người bào chữa còn cho rằng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái nên rất hối hận, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị chiếm đoạt đã được trao trả cho bị hại, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, phải nuôi con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các người làm chứng là anh Nguyễn Khắc H, anh Mai Anh K, chị Nguyễn Thị Tuyết M, anh Phạm Văn Đ, anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Bảo X, chị Nguyễn Thị H, bà Ngô Thị C, bà Võ Bạch H, anh Lương Thanh T, ông Đoàn Văn L, anh Võ Trọng B vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, riêng ông L, anh B có đơn xin vắng mặt. Các người làm chứng này đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của những người làm chứng này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Các hoạt động tố tụng, quyết định tố tụng của Điều Tra Viên, Kiểm Sát Viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không bị khiếu nại và được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định được:

[3.1] Bị cáo Nguyễn Văn D bị tạm giữ ngày 20/3/2021 sau đó chuyển sang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo Phạm Minh C bị tạm giữ từ ngày 17/4/2020, sau đó chuyển sang tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 17/5/2021, D và C được giam chung buồng giam số 4, dãy B. Ngày 17/6/2021, hai bị cáo xin cán bộ quản giáo ra cắt tóc. C cắt tóc trước, khi cắt tóc xong C nhanh chóng chạy về buồng giam dùng các công cụ có sẵn (cục chì, hai ốc vít, đoạn kẽm) làm hư ổ khóa rồi treo trở lại trên cửa buồng giam số B4. Sau đó hai bị cáo được đưa vào trong buồng

giam B4 và buồng giam được khóa cửa lại. Khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày 17/6/2021, lợi dụng trời mưa to có sấm chớp, C dùng móc bằng giấy do C làm sẵn thò tay qua lỗ thăm cửa buồng giam B4, dùng móc móc vào ổ khóa rồi giật, kéo làm ổ khóa bung ra, mở được cửa buồng giam. C và D ra ngoài buồng giam rồi đóng cửa lại. Hai bị cáo leo lên cửa buồng giam C4, leo lên mái nhà đến khu vực nhà bếp của Nhà tạm giữ thì đu theo ống thoát nước xuống đất rồi tẩu thoát khỏi khuôn viên cơ quan Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Hai bị cáo lẩn trốn nhiều nơi, đến ngày 19/6/2021 bị cáo C bị bắt, bị cáo D bị bắt vào ngày 05/7/2021.

[3.2] Hành vi nêu trên của hai bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tư pháp, đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định tại Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trong khi đó, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi đã thực hiện. Giữa các bị cáo là không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cho việc trốn khỏi nơi giam, giữ nên hành vi của các bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Tuy nhiên, trong việc trốn khỏi nơi giam, giữ thì bị cáo C là người giữ vai trò chính, tích cực hơn so với bị cáo D.

[3.3] Đối với bị cáo D, ngoài việc trốn khỏi nơi giam, giữ thì trước đó vào ngày 20/3/2021, bị cáo D đã cùng với một người tên M (không rõ nhân thân, lai lịch) chiếm đoạt một chiếc xe mô tô Exciter, mang biển kiểm soát số 71B2-446.77 của anh Lê Hoàng K có giá trị là 22.000.000VNĐ (hai mươi hai triệu đồng). Hành vi này của bị cáo D được thực hiện một cách lén lút với lỗi cố ý và đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.3] Xét lời khai của các bị cáo là phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác trong vụ án, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Từ đó cho thấy việc truy tố các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Minh C đã phạm “*Tội trốn khỏi nơi giam, giữ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Nguyễn Văn D phạm “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và “*Tội trốn khỏi nơi giam, giữ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Trong lượng hình, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, hai bị cáo có thành khẩn khai báo nên hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4.2] Bị cáo Phạm Minh C đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên hành vi của bị cáo là thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại Điều 53 của Bộ luật Hình sự và đây chính là tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4.3] Bị cáo Nguyễn Văn D trong hành vi phạm “*Tội trộm cắp tài sản*” còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, trong lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét đến việc bị cáo D có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ nghèo, có con còn nhỏ để cân nhắc, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4.4] Các bị cáo có nhân thân không tốt, không có ý thức chấp hành tốt các quy định của pháp luật nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội một thời gian mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4.5] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo D còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng (năm triệu đồng) đến 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) về “*Tội trộm cắp tài sản*”. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh sống của bị cáo D Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo D về “*Tội trộm cắp tài sản*”.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã giao trả cho bị hại Lê Hoàng K 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, biển kiểm soát số 71B2-446.77; giao trả cho anh Phạm Văn Đ 01 (một) áo khoác tay dài, màu xanh đậm và 01 (một) chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát số 60K4-2978; chuyển 01 (một) giấy phép lái xe và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Tuấn Q cho Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để xử lý theo thẩm quyền.

[5.2] Các vật chứng là: 01 (một) túi mang màu đen, nhãn hiệu Jingpin; 01 (một) cái điện thoại di động Nokia C1, bàn phím màu trắng đen; 01 (một) đôi giày thể thao màu xanh cỏ úa, nhãn hiệu Fashion; 01 (một) cái áo khoác màu trắng xanh, phía trước ngực có chữ “UNDERSTAND”; 01 (một) cái quần Jean dài màu đen phía sau có chữ “supGa Jeans”; 01 (một) bóp da nam, màu cam, không nhãn hiệu; 01 (một) cái điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, số seri 353120114705485, găng sim số thuê bao G và số tiền là 202.000VNĐ (hai trăm lẻ

hai ngàn đồng). Đây là tài sản của bị cáo D, không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên giao trả lại cho bị cáo D.

[5.3] 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, thân khóa sơn màu vàng (có ký hiệu chữ azalo) dài 05cm, rộng 06cm, cầu khóa bằng kim loại màu trắng cao 5,5cm, rộng 05cm, đã bị cưa tháo rời trong quá trình giám định; 01 (một) đoạn kim loại hình trụ tròn, màu trắng, dài 8mm, đường kính 2mm lấy ra từ vị trí bị chốt cầu khóa; 01 (một) móc được làm bằng giấy dài 30cm, rộng 01cm, phần móc dài 0,9cm, rộng 05cm, phần cán móc có buộc một sợi vải màu xanh dài 1,28m; 02 (hai) cuộn dây được quấn nhiều loại vải, nhựa (một cuộn dài 42cm, đường kính rộng nhất 01cm, một cuộn dài 43cm, đường kính rộng nhất 02cm, phía trong có lõi kim loại màu trắng, đường kính 0,4cm); 01 (một) chìa khóa hình chữ T bằng kim loại, dài 4,2cm, rộng nhất 1,7cm, hẹp nhất 0,7cm, có chữ madeinchina; 02 (hai) ốc vít, bằng kim loại, có ren, dài 2,2cm, một đầu nhọn (trong đó có 01 ốc vít bị cong); 01 (một) đoạn kim loại, màu trắng, dài 10,2cm; 01 (một) nắp hộp cá môi, bằng kim loại, màu trắng (đã rỉ sét), đường kính 4,7cm; 02 (hai) vỏ bao xúc xích, màu đỏ, nhãn hiệu BOOM (không còn phần chì bấm ở hai đầu); 01 (một) áo thun, màu trắng xám, ngắn tay, bị rách sau lưng bên trái, kích thước vùng rách 15x10cm; 01 (một) quần thun, màu xanh đen, có viền màu trắng hai bên hông của ống quần, phía trước quần có 02 túi hai bên, không có dây kéo. Các vật chứng này đã bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Hoàng K đã nhận lại chiếc xe mô tô do bị cáo D chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự nên ghi nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Phạm Minh C phải nộp 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn D thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp án phí nên bị cáo D được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: Bị cáo Phạm Minh C phạm “*Tội trốn khỏi nơi giam, giữ*”, bị cáo Nguyễn Văn D phạm “*Tội trộm cắp tài sản*” và “*Tội trốn khỏi nơi giam, giữ*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 386, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Minh C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp với hình phạt là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về “*Tội trộm cắp tài sản*” tại bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2021/HS-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; hình phạt chung của cả hai bản án mà bị cáo Phạm Minh C

phải chấp hành là 05 (năm) năm tù, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 01 (một) năm 02 (hai) tháng 07 (bảy) ngày (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/4/2020 đến ngày 17/6/2021); hình phạt tù còn lại bị cáo Phạm Minh C phải chấp hành là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng 23 (hai mươi ba) ngày, thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù về “*Tội trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 386, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 12 (mười hai) tháng tù về “*Tội trốn khỏi nơi giam, giữ*”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp hình phạt của cả hai tội mà bị cáo Nguyễn Văn D phải chấp hành là 21 (hai mươi một) tháng tù, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 03 (ba) tháng (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2021 đến ngày 17/6/2021), hình phạt tù còn lại bị cáo Nguyễn Văn D phải chấp hành là 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2021.

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

[2.1] Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D các tài sản như sau: 01 (một) túi mang màu đen, nhãn hiệu Jingpin; 01 (một) cái điện thoại di động Nokia C1, bàn phím màu trắng đen; 01 (một) đôi giày thể thao màu xanh cỏ úa, nhãn hiệu Fashion; 01 (một) cái áo khoác màu trắng xanh, phía trước ngực có chữ “UNDERSTAND”; 01 (một) cái quần Jean dài màu đen phía sau có chữ “supGa Jeans”; 01 (một) bóp da nam, màu cam, không nhãn hiệu; 01 (một) cái điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, loại bàn phím, số seri 353120114705485, gắn sim số thuê bao G và số tiền là 202.000VNĐ (hai trăm lẻ hai ngàn đồng).

[2.2] Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, thân khóa sơn màu vàng (có ký hiệu chữ azalo) dài 05cm, rộng 06cm, cầu khóa bằng kim loại màu trắng cao 5,5cm, rộng 05cm, đã bị cưa tháo rời trong quá trình giám định; 01 (một) đoạn kim loại hình trụ tròn, màu trắng, dài 8mm, đường kính 2mm lấy ra từ vị trí bị chốt cầu khóa; 01 (một) móc được làm bằng giấy dài 30cm, rộng 01cm, phần móc dài 0,9cm, rộng 05cm, phần cán móc có buộc một sợi vải màu xanh dài 1,28m; 02 (hai) cuộn dây được quấn nhiều loại vải, nhựa (một cuộn dài 42cm, đường kính rộng nhất 01cm, một cuộn dài 43cm, đường kính rộng nhất 02cm, phía trong có lõi kim loại màu trắng, đường kính 0,4cm); 01 (một) chìa khóa hình chữ T bằng kim loại, dài 4,2cm, rộng nhất 1,7cm, hẹp nhất 0,7cm, có chữ madeinchina; 02 (hai) ốc vít, bằng kim loại, có ren, dài 2,2cm, một đầu nhọn (trong đó có 01 ốc vít bị cong); 01 (một) đoạn kim loại, màu trắng, dài 10,2cm; 01 (một) nắp hộp cá mồi,

bằng kim loại, màu trắng (đã rỉ sét), đường kính 4,7cm; 02 (hai) vỏ bao xúc xích, màu đỏ, nhãn hiệu BOOM (không còn phần chì bấm ở hai đầu); 01 (một) áo thun, màu trắng xám, ngắn tay, bị rách sau lưng bên trái, kích thước vùng rách 15x10cm; 01 (một) quần thun, màu xanh đen, có viền màu trắng hai bên hông của ống quần, phía trước quần có 02 túi hai bên, không có dây kéo.

Tất cả các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/10/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Riêng số tiền 202.000VNĐ (hai trăm lẻ hai ngàn đồng) được thu theo Biên lai thu tiền số 0000284 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận việc bị hại là anh Lê Hoàng K không yêu cầu bị cáo D bồi thường gì về phần trách nhiệm dân sự.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12 và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Minh C phải nộp: 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn D được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- UBND xã B;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Mỏ Cày Nam;
- Công an huyện Mỏ Cày Nam (P.HSNV);
- Cơ quan T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, T.H.A.H.S, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên